

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: *2164*/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày *13* tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/ Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 501/TTr-SNV ngày 09 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 134 thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/ Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể:

- **87** thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ;
- **31** thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- **15** thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- **01** thủ tục hành chính **đặc thù** thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ;



Điều 2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 2648/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/ Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *ld*

Nơi nhận: *ld*

- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- UBND cấp xã (liên thông);
- LĐVP, NC, HCC, Website tỉnh;
- Lưu: VT, H^{KSTT}. *ld*



CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ/ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN/
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH BÌNH DƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2164 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm
2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

**PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ.**

STT	Mã TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính	Trang
I. Lĩnh vực Tổ chức - Biên chế			
1	1.009352	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	6
2	1.009914	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh đề án vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	8
3	1.009354	Thủ tục hành chính về thẩm định số lượng người làm việc các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	10
4	1.009355	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	12
5	1.009339	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	14
6	1.009340	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15

7	1.009331	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	17
8	1.009332	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	18
9	1.009333	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	19
10	1.009319	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20
11	1.009320	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	22
12	1.009321	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	24
II. Lĩnh vực Công tác thanh niên			
1	2.001717	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	26
2	1.003999	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	28
3	2.001683	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	30
III. Lĩnh vực Công chức, viên chức			
1	1.005394	Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	32
2	1.005393	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức	40
3	1.005392	Thủ tục xét tuyển viên chức	54
4	1.005388	Thủ tục thi tuyển Viên chức	74
5	2.002157	Thủ tục thi nâng ngạch công chức	94
6	1.005385	Thủ tục tiếp nhận tiếp nhận vào công chức (Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020).	104

7	2.002156	Thủ tục xét tuyển công chức	111
8	1.005384	Thủ tục thi tuyển công chức	120
IV. Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ			
1	1.003503	Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập hội	129
2	2.001481	Thủ tục thành lập Hội	133
3	1.003960	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	148
4	2.001688	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội	151
5	2.001678	Thủ tục đổi tên hội	157
6	1.003918	Thủ tục hội tự giải thể	159
7	1.003900	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường	162
8	1.003858	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện cấp tỉnh	164
9	1.003822	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	167
10	2.001590	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ	188
11	2.001567	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	190
12	1.003621	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	192
13	1.003916	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	195
14	1.003950	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ hoạt động có thời hạn (Cấp tỉnh)	196
15	1.003920	Thủ tục hợp nhất, sát nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	199
16	1.003879	Thủ tục đổi tên quỹ cấp tỉnh	206
17	1.003866	Thủ tục tự giải thể (Cấp tỉnh)	209
V. Lĩnh vực Thi đua - khen thưởng			
1	2.000449	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh	212
2	2.000934	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp tỉnh	217
3	1.000924	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh	221

4	2.000287	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc	224
5	2.000437	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề	228
6	1.000898	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp tỉnh thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	233
7	2.000422	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đợt xuất	238
8	1.000681	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đối ngoại	241
9	2.000418	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh cho gia đình	244

VI. Lĩnh vực Tôn giáo Chính phủ

1	1.001807	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	246
2	1.001797	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	248
3	1.001875	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	250
4	1.001843	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	255
5	1.001832	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	257
6	1.001894	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	259
7	1.001886	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	263
8	1.001775	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	265

9	1.001818	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	269
10	2.000713	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	271
11	1.001854	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích	274
12	1.001550	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	276
13	1.001610	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	280
14	1.001604	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	282
15	1.000766	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	284
16	1.001589	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	288
17	2.000269	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	290
18	2.000264	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	292

19	2.000456	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	294
20	1.000788	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của Hiến chương của tổ chức	296
21	1.000654	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	298
22	1.000587	Thủ tục thông báo về người bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	300
23	1.000604	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	302
24	1.001642	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành	304
25	1.001640	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 33 và Khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	306
26	1.001637	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	308
27	1.001628	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	310
28	1.001626	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	312
29	1.001624	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	314

30	1.000780	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b Khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP	317
31	1.000638	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	319
32	1.000535	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	320
33	1.000517	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	322
34	1.000415	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	324
35	2.002167	Thủ tục thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (thuộc thẩm quyền tiếp nhận của 02 cơ quan)	326
VII. Lĩnh vực Văn thư và Lưu trữ nhà nước			
1	1.010194	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc (Cấp tỉnh)	327
2	1.010195	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực tài liệu lưu trữ (Cấp tỉnh)	331
3	1.010196	Thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề lưu trữ (Cấp tỉnh)	336

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

STT	Mã TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính	Trang
I. Lĩnh vực Tổ chức – Biên chế			
1	1.009334	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	342
2	1.009335	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	344
3	1.009336	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	345
4	1.009322	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	346
5	1.009323	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	348
6	1.009324	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	350
II. Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ			
1	1.003841	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	352
2	1.003827	Thủ tục thành lập hội	355
3	1.003807	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	359
4	1.003783	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội	362
5	1.003757	Thủ tục đổi tên hội	368
6	1.003732	Thủ tục hội tự giải thể	371
7	2.002100	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường cấp huyện	374

8	1.005358	Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	376
9	1.005201	Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	378
III. Lĩnh vực Thi đua - khen thưởng			
1	2.000414	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	380
2	2.000402	Thủ tục tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”	384
3	2.000356	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình	388
4	1.000843	Thủ tục tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”	390
5	2.000385	Thủ tục tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”	391
6	2.000374	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	392
7	1.000804	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	393
8	2.000364	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	394
IV. Lĩnh vực Tôn giáo Chính phủ			
1	1.001228	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	396
2	2.000267	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	397
3	1.000316	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	400
4	1.001220	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	402



5	1.001212	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	404
6	1.001204	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	406
7	1.001199	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	408
8	1.001180	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	410

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

STT	Mã TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính	Trang
I. Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng			
1	1.000775	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	413
2	2.000346	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	414
3	2.000337	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	415
4	1.000748	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	416
5	2.000305	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	418
II. Lĩnh vực Tôn giáo chính phủ			
1	2.000509	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	419
2	1.001028	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	421
3	1.001055	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	423
4	1.001078	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	427
5	1.001085	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	429
6	1.001090	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	431
7	1.001098	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	433
8	1.001109	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	435



9	1.001156	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	437
10	1.001167	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	438



D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐẶC THÙ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thủ tục hành chính	Trang
I	Lĩnh vực Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức		
1	Thủ tục Đăng ký thu hút các chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao, có uy tín về học thuật, tay nghề.	Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND, ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.	440